

Số: 03/2025/NQ - HĐND

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hoá, dịch vụ;
mua sắm tài sản, hàng hoá, dịch vụ của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ
sử dụng ngân sách nhà nước thuộc địa phương quản lý**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 27**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Xét Tờ trình số 202/TTr-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định thẩm quyền mua sắm hàng hoá, dịch vụ; mua sắm tài sản, hàng hoá, dịch vụ của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc địa phương quản lý; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-KTNS ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

1. Quy định này quy định về thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc địa phương quản lý theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

2. Quy định thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hoá, dịch vụ theo quy định tại điểm b, điểm d khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và khoản 1 Điều 67 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP (sau đây gọi là mua sắm hàng hoá, dịch vụ).

3. Những nội dung khác liên quan đến việc mua sắm tài sản, hàng hoá, dịch vụ không thuộc quy định này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Quy định này không điều chỉnh đối với:

a) Việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phần kinh phí được giao khoán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (bao gồm cả nhiệm vụ khoán chi từng phần và nhiệm vụ khoán chi đến sản phẩm cuối cùng). Việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ từ nguồn kinh phí này thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 134 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

b) Việc mua sắm không sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cá nhân, tổ chức tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà không phải là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ từ nguồn kinh phí này thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 134 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

c) Việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp thông qua mua trực tiếp từ hộ gia đình, cá nhân. Việc mua sắm này thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 134 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

1. Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Cơ quan nhà nước;

2. Đơn vị sự nghiệp công lập;

3. Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội;

4. Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ; cơ quan, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

5. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến mua sắm tài sản, hàng hoá, dịch vụ.

Điều 3. Nguyên tắc quy định

1. Địa phương chỉ quy định những nội dung mà Nghị định 24/2024/NĐ-CP, Nghị định số 115/2024/NĐ-CP giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền quyết định mua sắm thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

2. Tăng cường phân cấp thẩm quyền trong việc mua sắm tài sản, hàng hoá, dịch vụ nhưng vẫn đảm bảo công tác mua sắm tài sản, hàng hoá, dịch vụ được tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và phân cấp quản lý ngân sách.

3. Việc quy định thẩm quyền quyết định mua sắm có tính kế thừa phân cấp mua sắm, tài sản, hàng hoá, dịch vụ, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

4. Việc quy định thẩm quyền quyết định phù hợp với phân cấp quản lý ngân sách.

5. Việc quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hoá, dịch vụ của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc địa phương quản lý áp dụng đối với nguồn kinh phí mua sắm từ 100% kinh phí ngân sách nhà nước; mua sắm từ kinh phí ngân sách nhà nước và kinh phí mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân (bao gồm cả việc mua sắm tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của địa phương).

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hoá, dịch vụ.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với hàng hoá, dịch vụ có tổng giá trị từ 5 tỷ đồng trở lên/1 lần mua sắm từ nguồn ngân sách cấp tỉnh và các nguồn thu hợp pháp khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm đối với hàng hoá, dịch vụ có tổng giá trị mua sắm từ 2 tỷ đồng trở lên/1 lần mua sắm đến dưới 5 tỷ đồng/1 lần mua sắm từ nguồn ngân sách cấp tỉnh và các nguồn thu hợp pháp khác.

3. Thủ trưởng đơn vị dự toán trực thuộc các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quyết định mua sắm đối với hàng hoá, dịch vụ có tổng giá trị mua sắm dưới 2 tỷ đồng/1 lần mua sắm từ nguồn ngân sách cấp tỉnh và các nguồn thu hợp pháp khác.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm đối với hàng hoá, dịch vụ có tổng giá trị mua sắm từ 2 tỷ đồng trở lên/1 lần mua sắm từ nguồn ngân sách cấp huyện (bao gồm cả nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu và các nguồn thu hợp pháp khác) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý.

5. Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc cấp huyện quản lý quyết định mua sắm đối với hàng hoá, dịch vụ có tổng giá trị mua sắm dưới 2 tỷ đồng/1 lần mua sắm từ nguồn ngân sách cấp huyện (bao gồm cả nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu và các nguồn thu hợp pháp khác).

6. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định mua sắm hàng hoá, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm đối với mua sắm hàng hoá, dịch vụ từ nguồn ngân sách cấp xã (bao gồm cả nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu và các nguồn thu hợp pháp khác).

Điều 5. Về thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hoá, dịch vụ của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh.

1.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

a) Mua sắm tài sản là: Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; tài sản khác có tổng giá trị từ 5 tỷ đồng trở lên/1 lần mua sắm.

b) Mua sắm hàng hoá, dịch vụ có tổng giá trị từ 5 tỷ đồng trở lên/1 lần mua sắm.

1.2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm đối với tài sản, hàng hoá, dịch vụ có tổng giá trị mua sắm từ 2 tỷ đồng trở lên/1 lần mua sắm đến dưới 5 tỷ đồng/1 lần mua sắm của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

1.3. Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm đối với tài sản, hàng hoá, dịch vụ có tổng giá trị mua sắm dưới 2 tỷ đồng/1 lần mua sắm của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do đơn vị mình là cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

1.4. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định mua sắm đối với tài sản, hàng hoá, dịch vụ có tổng giá trị mua sắm đến dưới 5 tỷ đồng/1 lần mua sắm của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân không thuộc phạm vi quản lý của địa phương là cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp cơ sở: Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở quyết định mua sắm đối với tài sản, hàng hoá, dịch vụ để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do mình phê duyệt.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn triển khai đảm bảo quy định của pháp luật, khi hàng hoá được mua sắm bằng nguồn ngân sách nhà nước đủ điều kiện là tài sản công cần được cập nhật kịp thời để quản lý theo đúng quy định; đồng thời nghiên cứu cơ chế quản lý đối với tài sản được hình thành từ các nhiệm vụ khoa học công nghệ được xã hội hoá sau khi ứng dụng nghiệm thu trên địa bàn tỉnh, chống thất thoát lãng phí. Hàng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thường lệ về kết quả thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh Khoá XIX kỳ họp thứ 27 thông qua ngày 08 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; CP (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo, Đài PTTH, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: CVP, phòng CT.HĐND, lưu VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hương Giang